

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/DS-ST

Ngày: 20/12/2024

V/v “*Tranh chấp mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;

2. Ông Nguyễn Văn Kim.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** 1. Ông Lê Nhật P, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: tổ C, khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Dương Thị Kim L, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Chị Đinh Quỳnh D, sinh năm: 2001;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** bà Ngô Thị M, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Đinh Quỳnh D trình bày:*

Ông P và bà L là chủ cửa hàng thuốc thú y số 70 có địa chỉ số A, ấp G, xã N,

huyện M, tỉnh Bến Tre. Trước đây, cửa hàng ông P có nhiều lần cung cấp vịt giống, thức ăn và thuốc thú y cho trại vịt của bà Ngô Thị M. Hai bên mua bán có lập sổ theo dõi cho việc cung cấp vịt và thuốc thú y, cụ thể như sau:

Ngày 20/9/2023, bà M có thiếu tiền thuốc thú y và tiền thức ăn nuôi vịt là 114.751.000 đồng. Số tiền này là nợ trước đây bà M còn thiếu từ năm 2019.

Ngày 20/11/2023, bà M có thiếu cửa hàng của ông P, bà L số tiền 2.820.000 đồng.

Ngày 19/01/2024, bà M có thiếu cửa hàng của ông P, bà L số tiền 75.678.000 đồng.

Ngày 22/4/2024, bà M có thiếu cửa hàng của ông P, bà L số tiền 24.220.000 đồng.

Ngày 11/6/2024, bà M có thiếu cửa hàng của ông P, bà L số tiền 9.930.000 đồng.

Ngày 19/7/2024, bà M có thiếu cửa hàng của ông P, bà L số tiền 33.455.000 đồng.

Tổng số tiền bà M còn nợ của bà L, ông P là 260.854.000 đồng. Bà M hứa mỗi tháng sẽ trả 4.000.000 đồng vào ngày 23 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 23/7/2024.

Trước đó vào ngày 22/12/2023, ông P và bà L có cho bà M vay số tiền là 10.000.000 đồng. Bà M nói dùng số tiền này để sửa lại trại vịt. Tổng số tiền thuốc thú y, thức ăn và tiền vịt giống, tiền vay bà M còn thiếu ông P và bà L là 270.854.000 đồng.

Sau đó, tháng 8/2024, bà M không trả dần số tiền nợ nêu trên như đã hứa nên ông P, bà L khởi kiện.

Nay, ông P với bà L yêu cầu bà M có trách nhiệm trả số tiền nợ tổng cộng là 270.854.000 đồng; trong đó: tiền vay: 10.000.000 đồng; tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi vịt và thuốc thú y nuôi vịt là 260.854.000 đồng, không yêu cầu tính lãi trên số tiền vay và tiền mua bán còn nợ.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị M trình bày:*

Bà M có nợ của ông P và bà L số tiền mua thức ăn nuôi vịt và thuốc thú y nuôi vịt là 258.264.000 đồng không phải là 260.854.000 đồng nên bà đồng ý trả cho ông P, bà L số tiền mua thức ăn nuôi vịt và thuốc thú y nuôi vịt là 258.264.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 260.854.000 đồng như yêu cầu khởi kiện. Còn số tiền vay 10.000.000 đồng bà M đã trả cho ông P, bà L xong nên không đồng ý trả cho ông P, bà L số tiền nợ này.

Ông P, bà L không yêu cầu tính lãi bà M đồng ý.

Bà M yêu cầu ông P, bà L cho bà trả dần số tiền nêu trên mỗi tháng là 4.000.000 đồng vào ngày 23 hàng tháng bắt đầu từ ngày 13/12/2024. Lý do vì trước đây hai bên thỏa thuận bà được trả dần và bà không có khả năng trả một lần.

Tại phiên tòa, chị D đại diện cho ông P, bà L đồng ý bà M còn nợ của ông P, bà L số tiền mua thức ăn nuôi vịt và thuốc thú y nuôi vịt là 258.264.000 đồng không

phải là 260.854.000 đồng. Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng ông P, bà L thừa nhận bà M đã trả cho ông P, bà L nên ông P, bà L rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P, bà L không yêu cầu tính lãi.

Ông P với bà L không đồng ý cho bà M trả dần. Cách trả nợ như thế nào, trả dần hay trả một lần sẽ thương lượng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Bà M thừa nhận còn nợ của ông P, bà L số tiền mua thức ăn nuôi vịt và thuốc thú y nuôi vịt là 258.264.000 đồng, bà đồng ý trả cho ông P và bà L số tiền nợ này nhưng yêu cầu được trả dần. Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông P và bà L rút yêu cầu bà M đồng ý. Ông P, bà L đồng ý cho bà M trả 4.000.000 đồng/tháng vào ngày 23 dương lịch hàng tháng nhưng bà M phải trả thêm số tiền 33.455.000 đồng còn nợ, bà M không đồng ý. Đến ngày trả tiền theo thỏa thuận bà M gửi tiền cho em chồng bà M đến trả cho ông P nhưng ông P không nhận và khởi kiện đến Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 09/8/2024, ông Lê Nhật P và bà Dương Thị Kim L khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu giải quyết buộc bà Ngô Thị M trả cho ông P, bà L số tiền 260.854.000 đồng tiền mua thức ăn và thuốc thú y chăn nuôi vịt; 10.000.000 đồng tiền vay. Ông P, bà L không yêu cầu tính lãi. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 463 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu của ông P, bà L yêu cầu bà M trả số tiền 260.854.000 đồng tiền mua thức ăn và thuốc thú y chăn nuôi vịt:*

Theo chị D đại diện cho ông P, bà L trình bày: từ ngày 20/9/2023 đến ngày 19/7/2024, bà M thiếu tiền thuốc thú y và tiền thức ăn nuôi vịt của bà L, ông P là 260.854.000 đồng. Bà M hứa mỗi tháng sẽ trả 4.000.000 đồng vào ngày 23 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 23/7/2024 nhưng bà M không trả số tiền nợ nêu trên như đã hứa nên ông P, bà L khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền mua thuốc thú y và thức ăn nuôi vịt 260.854.000 đồng. Chứng cứ chứng minh: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Bản sao có chứng thực); 02 Đối chiếu công nợ khách hàng (Bản chính); 03 Hóa đơn bán hàng (bản chính); Phiếu thu (bản chính); Giấy vay tiền (bản chính).

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông P, bà L: bà M xác định có nợ của ông P, bà L số tiền là 258.264.000 đồng không phải là 260.854.000 đồng nên đồng ý

trả cho ông P, bà L số tiền mua thức ăn nuôi vịt và thuốc thú y nuôi vịt là 258.264.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 260.854.000 đồng như yêu cầu khởi kiện. Chứng cứ chứng minh: Bảng chi tiết đối chiếu công nợ cô Út M1 từ ngày 01/01/2019 đến 23/7/2024 (bản chính).

Xét thấy, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cũng như tại phiên tòa, bà M1 thừa nhận có nợ của ông P, bà L số tiền bà M1 mua thức ăn nuôi vịt và thuốc thú y là 258.264.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cũng như tại phiên tòa, chị D đại diện của ông P và bà L thừa nhận bà M1 còn nợ của ông P và bà L số tiền mua thức ăn nuôi vịt và thuốc thú y là 258.264.000 đồng, không phải là 260.854.000 đồng như tại đơn khởi kiện. Ông P, bà L yêu cầu bà M1 trả cho ông P, bà L số tiền 258.264.000 đồng. Bà M1 đồng ý trả cho ông P, bà L số tiền 258.264.000 đồng nên ghi nhận. Cần buộc bà M1 có trách nhiệm trả lại cho ông P, bà L số tiền 258.264.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

Ông P, bà L không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu của bà M1 yêu cầu được trả dần số tiền nợ nêu trên mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị D, đại diện cho ông P không đồng ý. Xét thấy, việc trả nợ và cách trả nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nên không xem xét giải quyết.

[3] *Đối với yêu cầu của ông P, bà L yêu cầu bà M1 trả số tiền 10.000.000 đồng tiền vay:*

Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng: quá trình giải quyết vụ án ông P, bà L thừa nhận bà M1 đã trả cho ông P, bà L số tiền này nên ông P, bà L rút lại yêu cầu bà M1 trả cho ông P và bà L số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông P và bà L đối với số tiền vay 10.000.000 đồng nêu trên là phù hợp với Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về án phí:* bà M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.913.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430, 463 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Ngô Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Nhật P và bà Dương Thị Kim L số tiền nợ là 258.264.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Ghi nhận ông Lê Nhật P và bà Dương Thị Kim L không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bà Ngô Thị M trả số tiền vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do ông Lê Nhật P và bà Dương Thị Kim L rút yêu cầu.

3. Về án phí: bà Ngô Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.913.000đ (Mười hai triệu chín trăm mười ba ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Nhật P và bà Dương Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.821.000đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004633 và 0004634 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

đã ký

**Lê Thị Minh Trung**